TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA

SỔ GỐC CẤP CHỨNG CHỈ TIẾNG DÂN TỘC THIỂU SỐ
LỚP BỒI DƯỠNG TIẾNG DÂN TỘC THÁI KHÓA K9.25 VÀ KHÓA K3.25 (BẢO LƯU)

(theo Quyết định số 367 /QĐ-CĐSL ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La)

Chương trình bồi dưỡng: Theo Quyết định số 254/QĐ-CĐSL ngày 04/05/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về việc lựa chọn chương trình, tài liệu dân tộc Mông

Thời gian khóa học: Từ ngày 29/11/2025 đến ngày 15/05/2026

Hội đồng thi: Trường Cao đẳng Sơn La

Ngày cấp chứng chỉ: 22/6/2026

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Đơn vị công tác	ĐTBC cuối khóa	Xếp loại	Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Người nhận chứng chỉ ký và ghi rõ họ tên
1. Lớp bồi dưỡng tiếng dân tộc Thái khóa K9.25												
1	Hà Hải	Châu	11/09/1975	Sơn La	Nữ	Thái	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La	7,4	Khá	000001.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0001	
2	Trần Chí	Chung	24/09/1980	Phú Thọ	Nam	Kinh	Trường TH&THCS Chiềng Lương	7,0	Khá	000002.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0002	
3	Vi Thị Minh	Hà	10/12/2001	Sơn La	Nữ	Kinh	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La	7,5	Khá	000003.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0003	
4	Lò Văn	Hải	10/09/1998	Sơn La	Nam	Thái	Trường TH&THCS Co Tòng	8,3	Giỏi	000004.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0004	
5	Quách Thu	Hiền	13/04/1995	Phú Thọ	Nữ	Mường	Trường Mầm non Chiềng Xôm	7,8	Khá	000005.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0005	
6	Lê Khánh	Hòa	28/08/1995	Sơn La	Nữ	Kinh	Bệnh viện Mắt Sơn La	7,5	Khá	000006.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0006	
7	Đinh Thị Thu	Huyền	25/11/1981	Thái Nguyê	Nữ	Kinh	Trường Mầm non Chiềng Xôm	8,1	Giỏi	000007.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0007	
8	Lò Thị Thu	Huyền	06/11/1998	Sơn La	Nữ	Thái	Trường Mầm non Chiềng Lề	8,3	Giỏi	000008.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0008	
9	Phạm Thị Vân	Huyền	06/10/1991	Sơn La	Nữ	Kinh	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La	7,4	Khá	000009.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0009	
10	Nguyễn Thị Huyền	Hưng	12/09/1988	Yên Bái	Nữ	Kinh	UBND xã Mai Sơn, tỉnh Sơn La	7,4	Khá	000010.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0010	
11	Bùi Lan	Hương	06/03/1991	Sơn La	Nữ	Kinh	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La	8,0	Giỏi	000011.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0011	
12	Lương Ngọc	Khánh	17/06/1997	Sơn La	Nam	Kinh	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La	7,4	Khá	000012.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0012	

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Đơn vị công tác	ĐTBC cuối khóa	Xếp loại	Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Người nhận chứng chỉ ký và ghi rõ họ tên
13	Lò Thị	Mai	16/11/1988	Sơn La	Nữ	Thái	Trường Mầm non Chiềng Xôm	8,6	Giỏi	000013.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0013	
14	Quàng Thị	Nguyệt	27/07/1993	Sơn La	Nữ	Thái	Trường Mầm non Chiềng Xôm	8,1	Giỏi	000014.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0014	
15	Trần Thị	Nhài	29/09/1988	Sơn La	Nữ	Kinh	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La	7,2	Khá	000015.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0015	
16	Trần Hồng	Nhung	11/09/1989	Sơn La	Nữ	Kinh	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La	7,4	Khá	000016.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0016	
17	Nguyễn Thị Thu	Oanh	21/12/1983	Sơn La	Nữ	Kinh	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La	7,5	Khá	000017.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0017	
18	Bùi Thị Anh	Phương	01/10/1999	Sơn La	Nữ	Kinh	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La	7,4	Khá	000018.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0018	
19	Lầu A	Sơn	24/02/2004	Sơn La	Nam	Mông	Bản Bó Cốp, Xã Mường Bú, Sơn La	7,3	Khá	000019.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0019	
20	Nguyễn Thanh	Sơn	15/06/1966	Sơn La	Nam	Kinh	Trung tâm y tế Khu vực Mai Sơn	8,3	Giỏi	000020.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0020	
21	Lò Văn	Tuấn	16/07/2002	Sơn La	Nam	Kháng	Bản Pá Hợp, xã Chiềng Lao, Sơn La	8,0	Giỏi	000021.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0021	
22	Tòng Thị	Tươi	05/02/1988	Sơn La	Nữ	Thái	Trường Mầm non Chiềng Xôm	8,0	Giỏi	000022.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0022	
23	Lường Văn	Thành	30/10/2004	Sơn La	Nam	Thái	Bản Công, Xã Chiềng Sơ, Sơn La	8,0	Giỏi	000023.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0023	
24	Nguyễn Thị	Thảo	28/12/1992	Sơn La	Nữ	Thái	UBND Xã Mai Sơn, Sơn La	7,6	Khá	000024.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0024	
25	Vì Thị Phương	Thảo	08/04/1993	Sơn La	Nữ	Thái	Trường Cao đẳng Sơn La	8,7	Giỏi	000025.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0025	
26	Tòng Thị	Thu	21/05/1992	Sơn La	Nữ	Thái	Trường Mầm non Chiềng Xôm	8,2	Giỏi	000026.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0026	
27	Tòng Đức	Thuận	10/03/2001	Sơn La	Nam	Thái	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La	7,7	Khá	000027.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0027	
28	Tòng Văn	Thủy	01/01/1999	Sơn La	Nam	Thái	TK Phiêng Nèn, Xã Quỳnh Nhai, Sơn La	7,9	Khá	000028.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0028	
29	Đỗ Quỳnh	Trang	31/07/1996	Sơn La	Nữ	Kinh	Bệnh viện Phổi tỉnh Sơn La	7,5	Khá	000029.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0029	
30	Phan Vũ Quỳnh	Trang	21/03/2000	Sơn La	Nữ	Kinh	Bệnh viện Mắt tỉnh Sơn La	8,0	Giỏi	000030.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0030	
31	Mùa Thị	Xuân	09/12/1996	Sơn La	Nữ	Mông	Trường Mầm non Chiềng Mung	7,7	Khá	000031.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0031	

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Đơn vị công tác	ĐTBC cuối khóa	Xếp loại	Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Người nhận chứng chỉ ký và ghi rõ họ tên
32	Đèo Hải	Yến	27/01/1979	Sơn La	Nữ	Thái	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La	7,3	Khá	000032.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0032	
33	Nguyễn Thị	Yến	25/04/1989	Sơn La	Nữ	Kinh	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La	7,2	Khá	000033.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0033	
2. Lớp bồi dưỡng tiếng dân tộc Thái khóa K3.25 *(bảo lưu)*												
34	Nguyễn Linh	Phượng	18/09/1993	Sơn La	Nữ	Mường	Bệnh viện Phổi tỉnh Sơn La	7,2	Khá	000034.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0034	

Danh sách gồm có 40 học viên./.

Sơn La, ngày 22 tháng 6 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đức Long

ụ bồi dưỡng tiếng dân tộc Thái,

Số định danh cá nhân	Ghi chú

Số định danh cá nhân	Ghi chú

Số định danh cá nhân	Ghi chú
